

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2385 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 29 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại khu vực Suối Mây, xã Bình Tân,
huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường
chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019
của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của
Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về
sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan
trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại khu vực
Suối Mây, xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận họp ngày 22 tháng
6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tân, huyện Bắc Bình;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai
thác khoáng sản cát xây dựng tại khu vực Suối Mây, xã Bình Tân, huyện Bắc
Bình, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo nội dung giải
trình tại Công văn số 90/TTr.NB ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Công ty
Trách nhiệm hữu hạn Nguyên Bình;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 475/TTr-STNMT ngày 21 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Nguyên Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khu vực Suối Mây, xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCTUBND tỉnh Lê Tuấn Phong;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quỹ Bảo vệ môi trường;
- UBND huyện Bắc Bình;
- UBND xã Bình Tân;
- Công ty TNHH Nguyên Bình;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban
Nhân dân tỉnh
Bình Thuận
Ngày ký:
29.09.2020
10:42:27 +07:00

Lê Tuấn Phong

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 2385 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát xây dựng.
- Chủ dự án: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nguyên Bình.
- Địa chỉ liên hệ: khu vực Suối Mây, xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
- Người đại diện: Ông Lê Văn Bình Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: Số 193, đường Đỗ Hành, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: 0252.2221256.
- Mục tiêu dự án: Khai thác cát xây dựng cung cấp cho thị trường trong tỉnh và các vùng kinh tế lân cận; phục vụ Dự án đường cao tốc Bắc Nam; tạo nguồn thu ngân sách cho huyện nói riêng, tỉnh Bình Thuận nói chung và mang lại lợi nhuận kinh tế cho Công ty.
- Phạm vi, quy mô:

Tọa độ các điểm góc khu vực khai thác

Điểm góc	Khu	Tọa độ VN2000, múi 3 độ, KT 108°30'		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	
1	Khu I	1.240.500	467.223	5,2
1.1		1.240.500	467.170	
1.2		1.240.414	467.103	
1.3		1.240.316	466.941	
3		1.240.223	466.970	
4		1.240.224	467.222	
2	Khu II	1.240.499	466.883	1,5
2.1		1.240.371	466.923	
2.2		1.240.457	467.065	
2.3		1.240.500	467.099	
Tổng				6,7

Tổng diện tích đất sử dụng trong khai thác cát xây dựng là 6,7 ha gồm 02 khu. Đất sử dụng làm bãi chứa cát thành phẩm với diện tích 1000 m² nằm ngoài ranh giới mở gần điểm góc số 1; bãi thải tạm được bố trí bên cạnh bãi chứa sản phẩm với diện tích 1.000 m² nằm trong diện tích khai trường.

- Công suất dự án: 25.000m³ nguyên khối/năm tương đương 28.125 m³ nguyên khai/năm (hệ số nở rời 1,125).

- Công nghệ của dự án: Công nghệ khai thác được lựa chọn là xúc bóc vận chuyển về hố bơm để tiến hành tuyển rửa sau đó đưa về bãi tập kết sản phẩm và vận chuyển đi đến nơi tiêu thụ.

- Công trình chính của dự án: Biên giới khai trường, bãi tập kết và bãi thải tạm, hồ bơm, hồ lắng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm tác động từ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn, khí thải, bụi phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển sản phẩm.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng cơ bản là 0,5 m³/ngày. Lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành là 0,8 m³/ngày. Lượng nước tuyển rửa cát thu hồi khoảng 80% lượng nước ban đầu sử dụng là 157,92 m³/ngày, nước cấp bổ sung trung bình khoảng 17,52 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Nước thải qua sàng tuyển cát chứa các thành phần hữu cơ, cặn lắng và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khai thác, sàng tuyển và vận chuyển khoáng sản,... chứa nhiều thành phần ô nhiễm như: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Khối lượng chất thải rắn trong quá trình xây dựng lán trại khoảng 300 kg, gồm: sắt thép vụn, tôn vụn. Khối lượng sinh khối phát quang trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ là 2,511 tấn; khối lượng sinh khối phát quang trong giai đoạn vận hành là 333,24 tấn, chủ yếu là cây bụi, cỏ dại, thảm thực vật, cây thân gỗ,... Khối lượng đất thải sau tuyển rửa là 12.573 m³, gồm: rác thải, sét cục và các tạp chất dạng cục; bùn, bụi, lớp cát mịn và sét bột có lẫn trong cát được tách ra sau tuyển rửa.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ 1,0 kg/tháng; khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành 5,0 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại.

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mô là 4,0 kg/ngày; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành 4,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ, chất thải vô cơ phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại dự án.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Chủ dự án trang bị nhà vệ sinh di động được sản xuất từ vật liệu composite bằng công nghệ đúc liền khối, có lắp đặt hệ thống bể tự hoại 4 ngăn với dung tích 550 lít. Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi thu gom, lưu chứa hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

- Chủ dự án đào 01 hồ lắng có lót bạc chống thấm với kích thước 35 x 22 x 2,0m để thu gom, xử lý nước sau tuyển rửa. Nước sau tuyển rửa được thu hồi khoảng 80% được tuần hoàn lại để tuyển rửa cát.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

Dự án không có công trình xử lý bụi, khí thải. Chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản, vận hành chủ yếu như sau:

- Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển chuyên dụng từ mỏ ra đến Quốc lộ hàng năm. Sử dụng bạt phủ kín toàn thân xe, tránh để bụi bay hoặc rơi vãi trên đường vận chuyển. Tổ chức tưới nước làm ẩm đường vận chuyển thường xuyên để hạn chế bụi phát tán vào môi trường với tần suất tưới 02 lần/ngày. Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh vận chuyển vào các giờ cao điểm như giờ đi làm, giờ tan ca của người dân; hạn chế việc vận chuyển cát vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng các khu dân cư khu vực xung quanh, gây tắc nghẽn đường giao thông.

- Thường xuyên tu dưỡng, bảo trì các thiết bị, máy móc. Sử dụng đúng thiết kế của động cơ như không hoạt động quá tải, sử dụng đúng nhiên liệu theo thiết kế.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Dự án không có công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường. Chủ dự án thực hiện các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chủ yếu như sau: Sinh khối phát quang cho các hộ dân trong khu vực tận dụng làm củi đốt, phần không tận dụng được sẽ tập kết và tiến hành đốt bỏ. Chất thải rắn xây dựng sẽ tiến hành thu gom và bán các vật liệu, cấu kiện thừa, phế thải cho các cơ sở kinh doanh phế liệu lân cận. Chất thải rắn phát sinh sau quá trình

sản tuyển cát được thu gom tập kết về bãi thải tạm, tận dụng phục vụ quá trình hoàn thổ các moong sau kết thúc khai thác của dự án.

3.4. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại:

Dự án không có công trình xử lý chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, với các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác:

Thu gom, lưu chứa và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

Chủ dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung như: trang bị trang thiết bị bảo hộ cho công nhân, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, không sử dụng máy móc và phương tiện quá cũ gây ồn và có biện pháp quản lý và xử lý kịp thời.

3.7. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

3.7.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Đáy moong khai thác được san gạt và trồng cây keo lai giâm hom theo hình thức cuốn chiếu, cụ thể:

a) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 1 (thực hiện từ năm đầu và hoàn thành đến khi kết thúc khai thác):

- Gia cố bờ moong: Khai thác tới đâu sẽ gia cố tới đó theo hình thức cuốn chiếu (cải tạo góc nghiêng bờ kết thúc bằng góc ổn định tự nhiên của đất sỏi trung bình là 28° nhằm tránh sạt lở).

- Lắp đặt biển báo xung quanh khu vực đã khai thác.

- San gạt đáy moong đã khai thác.

- Trồng cây xanh (cây keo lai giâm hom) xung quanh bờ moong khai thác, đáy moong khai thác, vách taluy moong.

b) Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường giai đoạn 2 (tiến hành ngay khi kết thúc khai thác và hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn):

- Tháo dỡ và bán thanh lý các công trình mỏ.

- San gạt, làm sạch mặt bằng khu vực lán trại.

- Trồng cây xanh (cây keo lai giâm hom) xung quanh nhà điều hành.
- Duy tu, cải tạo tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.
- Quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo.

3.7.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **1.334.100.115** đồng (Bằng chữ: *Một tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, một trăm nghìn, một trăm mười lăm đồng*).

- Số lần ký quỹ: 05 lần.
- + Số tiền ký quỹ lần đầu: 333.525.029 đồng.
- + Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (04 lần): 250.143.772 đồng.
- Thời điểm thực hiện ký quỹ:
 - + Lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.
 - + Những lần tiếp theo: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2020.

3.8. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực hiện đúng các biện pháp phòng chống cháy nổ theo quy định. Thực hiện tất cả các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, phương tiện trong thi công và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác.

- Thực hiện biện pháp an toàn cho cộng đồng dân cư xung quanh như: Đóng góp kinh phí duy tu, sửa chữa đường giao thông công cộng tại địa phương; thực hiện biện pháp tưới nước giảm bụi; đảm bảo an toàn giao thông theo quy định. Chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Nhà vệ sinh di động.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mỏ

Giám sát chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại tại khu vực xây dựng của dự án theo quy

định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Vận hành thử nghiệm

Dự án không có công trình, thiết bị xử lý chất thải nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

5.3. Vận hành thương mại

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm các khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió.

+ 01 điểm trên tuyến đường vận chuyển (vị trí: X= 1.240.840; Y= 467.766).

- Thông số giám sát:

+ Khu vực moong đang khai thác 500 m theo hướng gió: Bụi, tiếng ồn, vi khí hậu.

+ Trên tuyến đường vận chuyển: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếp xúc tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát nước sau tuyến rửa

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hồ lắng chứa nước tuyến rửa.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

c) Giám sát chất thải rắn

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất

thải nguy hại của dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

d) Giám sát khác

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố môi trường tại mỏ để ứng phó kịp thời: kiểm tra các dụng cụ phòng cháy chữa cháy, thiết bị thoát nước mỏ, các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung,...

- Giám sát thường xuyên các hiện tượng sụt lún: Định kỳ 06 tháng/lần quan trắc, trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sụt lún bờ moong.

5.4. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ

- Chủ dự án tổ chức thực hiện quan trắc và giám sát môi trường định kỳ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, quản lý chất thải nguy hại, quản lý kết quả giám sát, hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các báo cáo môi trường khác, được lồng ghép trong cùng một báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường quy định; lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh, kiểm tra và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo./.